

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2018
V/v: Tranh chấp về ly hôn, chia tài
sản chung, nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Tác

Bà Lục Thị Xinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2017/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2017 về tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hứa Thị H – sinh năm 1961. Trú tại: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.(Có mặt).

- Bị đơn: Ông Hà Sỹ B – sinh năm 1960. Trú tại: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.(Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Thị Kim D – Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng nhà nước huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Theo Giấy ủy quyền số 136/UQ – NHCS ngày 23/5/2017) (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng bà Hứa Thị H trình bày:***

- Về tình cảm: Tôi và ông Hà Sỹ B tự nguyện kết hôn năm 1980, chúng tôi được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, cùng khoảng thời gian đó chúng tôi đến Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (đến năm 2002 đăng ký kết hôn lại ở Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn). Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc, đến nay hai vợ chồng chúng tôi nảy sinh nhiều mâu thuẫn do ông B không hợp với tôi hay chửi mắng tôi và các con, đuổi tôi ra khỏi nhà. Chúng tôi thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tôi đã sống ly thân với ông B, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông B.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 người con chung, các con đều đã trưởng thành, nên khi ly hôn tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Gồm các loại đất nông nghiệp, đất thổ cư, đất lâm nghiệp đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

+ Về đất nông nghiệp: Tổng diện tích là 4202 m², tôi đề nghị Tòa án xem xét chia quyền sử dụng đất nông nghiệp cụ thể như sau:

+ Tôi đề nghị được chia đôi diện tích thửa số 560, tờ bản đồ số 29, diện tích 1920,4m² đã được cấp đổi theo bản đồ địa chính chính lý năm 2014 (bản đồ cũ là thửa số 32, tờ bản đồ số 38, diện tích 1913,0m²).

+ Thửa số 544, tờ bản đồ số 29, diện tích 1015,9m² đã được cấp đổi theo bản đồ địa chính chính lý năm 2014 (bản đồ cũ là thửa số 18, tờ bản đồ số 38, diện tích 1014,0m²) tôi đề nghị được toàn quyền sử dụng và định đoạt.

+ Thửa số 289, tờ bản đồ số 34, diện tích 93,3m² đã được cấp đổi theo bản đồ địa chính chính lý năm 2014 (bản đồ cũ là thửa số 416, tờ bản đồ số 37, diện tích 92m²) tôi đề nghị được toàn quyền sử dụng và định đoạt.

- Đối với những thửa đất nông nghiệp còn lại sẽ giao cho ông B quản lý, sử dụng.

+ Đất thổ cư: Có 491m². Trong đó: đất ở 200m², đất vườn: 291m² tại Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn tôi đề nghị được toàn quyền định đoạt và sử dụng;

+ Đất lâm nghiệp: Có 26.272m² tôi đề nghị được toàn quyền định đoạt và sử dụng;

+ Nhà ở: Có 01 nhà gỗ ba gian cột vuông bằng gỗ tạp dựng năm 1987 tôi đề nghị được sở hữu và sử dụng.

Tài sản khác:

+ 17 tấm gỗ tạp để trần nhà tôi đề nghị được chia đôi một phần hai giá trị tiền mặt.

+ 01 cái ao ở K; 01 ao ở gần nhà, tôi đề nghị được quản lý, sử dụng 01 ao gần nhà, còn 01 ao còn lại ở chân đồi thì cho ông B quản lý, sử dụng.

+ 01 xe máy, 01 tủ ly bằng gỗ tạp, 01 bộ bàn ghế bằng gỗ nghiêng tiện tôi đề nghị chia đôi giá trị tài sản.

- Về nợ chung: Hiện nay chúng tôi còn dư nợ tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Bắc Kạn tổng số tiền là 42.000.000^d (Bốn mươi hai triệu đồng) và lãi phát sinh. Cụ thể:

+ Chương trình cho vay nước sạch và môi trường nông thôn, số tiền vay 12.000.000^d, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0.8%/tháng, ngày vay 10/4/2015, hạn trả ngày 10/4/2020;

+ Chương trình cho vay Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, số tiền vay 30.000.000^d, thời hạn vay xin 60 tháng, lãi suất 0,8%/tháng, ngày vay 13/02/2014, hạn trả 10/02/2019.

Đối với khoản nợ chung, tôi đề nghị ông B cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi phát sinh.

**** Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Hà Sỹ B trình bày:***

- Về tình cảm: Đúng như bà Hứa Thị H trình bày. Tôi và bà Hứa Thị H tự nguyện kết hôn năm 1980, chúng tôi được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, bà H về nhà tôi làm dâu, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (đến năm 2002 đăng ký kết hôn lại ở Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn). Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc, không xảy ra tình trạng đánh chửi vợ con. Do bà H đã bỏ nhà đi từ lâu tôi không nhớ thời gian cụ thể. Đây cũng là lần thứ hai bà H viết đơn lên Tòa đề nghị Tòa giải quyết ly hôn với tôi. Trong quá trình chung sống bà H không tôn trọng tôi mọi việc trong nhà từ cưới xin con cái bà H đều tự ý quyết định không hỏi ý kiến tôi. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, không ai quan tâm, chăm sóc ai nên tôi không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa. Tôi nhất trí ly hôn với bà H.

- Về con chung: Tôi và bà H có 03 người con chung. Các con đều đã trưởng thành, nên khi ly hôn tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Đối với các tài sản là các loại đất, tôi khẳng định là đất ông cha giao cho tôi sử dụng chứ không phải là tài sản chung tạo lập chung thời kỳ

hôn nhân. Tôi đề nghị được toàn quyền sử dụng và định đoạt. Cụ thể:

1. Về đất nông nghiệp: Tổng diện tích là 4202 m² đều có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ sở hữu là tôi.

2. Đất thổ cư: Có 491m² có Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất là tôi. Trong đó: đất ở 200m², đất vườn: 291m² tại Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

3. Đất lâm nghiệp: Có 26.272m² do tôi đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu.

+ Nhà ở: Có 01 nhà gỗ ba gian cột vuông bằng gỗ tạp dựng năm 1987, bà H đề nghị được sở hữu và sử dụng. Tôi không nhất trí, căn nhà trên tính cả hai gian trái là năm gian tôi chỉ nhất trí chia cho bà H sử dụng và định đoạt 02 gian, còn ba gian còn lại do tôi sở hữu và sử dụng và định đoạt.

Còn đối với một số tài sản khác:

+ 17 tấm gỗ tạp để trần nhà bà H đề nghị được chia đôi một phần hai giá trị, tôi không nhất trí vì 17 tấm gỗ trên là do tôi tự đi xẻ, tự vận chuyển bà H không có công sức đóng góp. Tôi đề nghị được toàn quyền sử dụng, định đoạt và sở hữu.

+ 01 cái ao ở K; 01 ao ở gần nhà đều của ông cha để lại, tôi là người được sở hữu và định đoạt.

+ 01 xe máy (thời điểm Tòa án xuống định giá không thấy xe máy), 01 tủ ly bằng gỗ tạp, 01 bộ bàn ghế bằng gỗ nghiêng tiện bà H đề nghị chia đôi giá trị tài sản. Tôi không nhất trí vì: Đối với xe máy do tôi tự mua đã rất lâu tôi không nhớ cụ thể cũng khoảng hơn chục năm nay, từ tiền vay Ngân hàng nhưng tôi tự trả, bà H không hộ tôi chút nào; Đối với tủ ly, bàn ghế do tôi tự đi xẻ gỗ về thuê thợ đóng, bà H không có công sức đóng góp.

- Về nợ chung: Về khoản nợ trên tôi không được biết bà H vay khi nào, vay để làm gì bà H không cho tôi biết và không có sự thỏa thuận hay thông báo với tôi. Tôi cũng không được ký vào hợp đồng vay hay sổ vay vốn liên quan đến khoản tiền trên. Còn về khoản vay cho con đi học là do tôi vay ở ngân hàng Nông Nghiệp 10.000.000đ do tôi đứng tên và tôi đã trả hết. Còn về khoản vay trên của bà H tôi không được biết, nên tôi sẽ không có trách nhiệm với khoản vay trên. Tôi khẳng định đó là khoản nợ cá nhân của bà H không phải khoản nợ chung.

*** Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Căn cứ vào hồ sơ vay vốn hiện nay đang lưu giữ tại Phòng Giao dịch Ngân hàng huyện C thì Người đại diện hộ gia đình đứng tên trên sổ vay vốn là bà Hứa Thị H, hiện nay đang còn dư nợ vay cụ thể như sau:

+ Chương trình cho vay nước sạch và môi trường nông thôn, số tiền vay 12.000.000^d, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0.8%/tháng, ngày vay 10/4/2015, hạn trả ngày 10/4/2020. Đến ngày 23/5/2017 còn dư nợ số tiền gốc 12.000.000^d (Mười hai triệu đồng) và lãi phát sinh.

Hiện nay hộ gia đình bà Hứa Thị H còn đang dư nợ tại Ngân hàng tổng số tiền là 12.000.000^d (Mười hai triệu đồng) và tiền lãi phát sinh.

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn căn cứ vào các điều của bộ luật Tổ tụng dân sự tiến hành phân chia tài sản, trách nhiệm, quyền lợi của các bên có liên quan nhằm đảm bảo thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi phát sinh trong quá trình vay vốn của hộ vay cho Ngân hàng chính sách xã hội và bảo toàn được nguồn vốn vay ưu đãi đối với Hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác của Nhà nước.

Trong quá trình tố tụng Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Bà Hứa Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung hiện đang còn nợ tại Ngân hàng tổng số tiền là 12.000.000^d (Mười hai triệu đồng) và tiền lãi phát sinh yêu cầu ông Hà Sỹ B có trách nhiệm trả nợ cùng. Bà Hứa Thị H yêu cầu nếu ông Hà Sỹ B có cam kết là không đuổi bà và yêu thương các con thì bà sẽ rút đơn để trở về cùng nhau.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Hứa Thị H

+ Về con chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho nên không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Ngày 22/3/2017 Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, ngày 11/7/2017 Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày 02/8/2017, ngày 10/11/2017 và ngày 17/11/2017 Tòa án tiếp tục mở phiên hòa giải nhưng đều không tiến hành hòa giải được do bị đơn ông Hà Sỹ B vắng mặt. Do hòa giải không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng trình tự, thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua tổng hợp lời trình bày của các bên đương sự và qua xác minh của Tòa án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Hứa Thị H và ông Hà Sỹ B đã đăng ký kết hôn tự nguyện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn ông bà đã có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc, thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã trong cuộc sống hàng ngày, do hai người có tính cách khác nhau, không hợp nhau trong cuộc sống và sinh hoạt hằng ngày. Bà H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng bà ngày càng trầm trọng do ông B có quan hệ như vợ chồng với người khác và hay chửi mắng bà và con cái, đuổi bà ra khỏi nhà.

Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2017 ông B trình bày không xảy ra việc vợ chồng cãi vã, đánh đập và đuổi bà H ra khỏi nhà, mà do bà H tự bỏ nhà đi trông nom cháu, dần dần không thấy bà H về nhà nữa. Ông B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà H không tôn trọng ông B, trong mọi việc của gia đình bà H đều tự ý quyết định không hỏi ý kiến của ông nên hiện nay vợ chồng ông không quan tâm đến nhau nữa.

Bà H trình bày vợ chồng xảy ra cãi vã đánh đập nhau thường xuyên, nhưng ngày 29/11/2017 Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà tại

địa phương thấy rằng: Trước khi Bà H gửi đơn ly hôn lên Tòa án thì cuộc sống hôn nhân của ông bà vẫn diễn ra bình thường như bao gia đình khác, thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức độ các thôn tổ hay các tổ chức khác trong địa phương phải can thiệp, hòa giải. Ngoài nguyên nhân mâu thuẫn trên, bà H không chứng minh được mâu thuẫn nào khác.

Điều 56. Luật hôn nhân gia đình quy định:

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông B và bà H xuất phát từ việc chưa thấu hiểu, chia sẻ và quan tâm lẫn nhau chứ chưa đến mức độ trầm trọng. Thiết nghĩ, ông B và bà H đã có tuổi, về mặt tinh thần cần hỗ trợ lẫn nhau để vui sống và chăm sóc nhau khi ốm đau về sau và làm tấm gương cho con cháu và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nếu hai bên thẳng thắn chia sẻ và thông cảm, quan tâm, tôn trọng nhau, cũng như đề cao giá trị của gia đình thì sẽ tìm được tiếng nói chung để cùng nhau xây dựng gia đình tốt đẹp. Nếu chỉ vì những lý do nhỏ nhặt và suy nghĩ chưa thấu đáo mà dẫn đến việc ly hôn là chưa thỏa đáng. Do đó chưa có đủ căn cứ để cho ly hôn, nên Tòa án không chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Hứa Thị H.

[4] Về con chung: Do không có căn cứ cho ly hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với con chung.

[5] Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản. Do không có căn cứ cho ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

[6] Về chi phí định giá tài sản: Do bà H là nguyên đơn yêu cầu cho nên mọi chi phí trên bà H phải chịu và Hội đồng định giá đã thanh toán xong.

[7] Về án phí: Bà Hứa Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo thời hạn quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39/ Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Hứa Thị H.

-Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án. Bà Hứa Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 05825 ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án huyện Chợ Đồn, bà Hứa Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 01
- VKS huyện CĐồn 02
- THADS huyện CĐồn 01
- UBND xã Phương Viên 01
- (Nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự 02
- Lưu hồ sơ 01
- Lưu vp 01

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thế Hùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lục Thị Xinh

Nguyễn Việt Tác

Phạm Thế Hùng